

**BỘ XÂY DỰNG**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

---



**HCMUARC**

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**  
**THẠC SĨ**

POSTGRADUATE TRAINING PROGRAM

**NGÀNH**  
**QUY HOẠCH VÙNG VÀ ĐÔ THỊ**

*Urban & Regional Planning*

*60.58.01.05*

**TP.HCM – 2012**

# MỤC LỤC

1	MỤC TIÊU ĐÀO TẠO .....	3
2	THỜI GIAN ĐÀO TẠO và KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA .....	4
3	ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH .....	4
4	QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP .....	4
4.1	Khái quát về chương trình đào tạo .....	4
4.2	Hình thức tổ chức dạy và học.....	4
4.3	Tổ chức giảng dạy các học phần .....	5
4.4	Đánh giá học phần.....	5
5	THANG ĐIỂM .....	6
6	KHUNG CẤU TRÚC CHƯƠNG TRÌNH .....	6
6.1	Cấu trúc chương trình đào tạo.....	6
6.2	Nội dung chương trình đào tạo .....	6
7	MÔ TẢ VẮN TẮT NỘI DUNG CÁC HỌC PHẦN.....	7
7.1	Các học phần chung .....	7
7.1.1	KQD01 - Triết học.....	7
7.1.2	KQD02 - Ngoại ngữ (Tiếng Anh).....	8
7.2	Các học phần bắt buộc .....	8
7.2.1	KQD03 - Phương pháp nghiên cứu khoa học.....	8
7.2.2	QD01 - Lý luận phát triển không gian đô thị.....	8
7.2.3	QD02 - Lý thuyết quy hoạch .....	9
7.2.4	QD03 - Chính sách và công cụ quản lý đô thị.....	9
7.2.5	Q01 - Kinh tế và tài chính đô thị .....	9
7.2.6	Q02 - Đồ án Quy hoạch .....	9
7.3	Các học phần tự chọn.....	10
7.3.1	KQD04 - Bảo tồn di sản Kiến trúc .....	10
7.3.2	KQD05 - Thiết kế đô thị.....	10
7.3.3	KQD06 - Kiến trúc cảnh quan .....	10
7.3.4	KQ01 - Lý thuyết tổ hợp không gian kiến trúc hiện đại.....	10
7.3.5	KQ02 - Tổ chức môi trường dịch vụ công cộng đô thị .....	10
7.3.6	KQ03 - Các Phương pháp Nghiên cứu xã hội .....	11
7.3.7	KQ04 - Đồ án: Hình thái Không gian công cộng.....	11
7.3.8	KQ05 - Đồ án: Hình thái Không gian nhà ở và công trình.....	11
7.3.9	QD04 - Quản lý hạ tầng kỹ thuật đô thị.....	11
7.3.10	QD05 - Quản lý đất đai và bất động sản.....	12
7.3.11	QD06 - Quản lý vận tải hành khách đô thị .....	12
7.3.12	QD07 - Quản lý Quy hoạch, Kiến trúc và Xây dựng đô thị .....	12
7.3.13	Q03 - Đánh giá môi trường đô thị .....	12

7.4	Học phần chuẩn bị tốt nghiệp và tốt nghiệp.....	13
7.4.1	Q04 - Tham quan và Phương pháp luận thực hiện luận văn .....	13
7.4.2	KQD - Luận văn tốt nghiệp .....	13

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THẠC SĨ *POST - GRADUATE PROGRAM*

Ngành đào tạo: Quy hoạch Vùng và Đô thị  
*Urban & Regional Planning*  
Mã số: 60.58.01.05  
Loại hình đào tạo: Chính quy tập trung  
*Full-time*

### 1 MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

+ Mục tiêu tổng quát của Chương trình Thạc sĩ ngành Quy hoạch Vùng và Đô thị của Trường Đại học Kiến trúc Tp.HCM là cung cấp cho người học một chương trình đào tạo nâng cao làm cơ sở lý luận cho việc hành nghề và nghiên cứu quy hoạch đô thị trong bối cảnh Việt Nam. Những đặc trưng chính của chương trình là:

- Đạt được và phản ánh được trình độ học thuật và đáp ứng các tiêu chuẩn học thuật được quốc tế công nhận;
- Phù hợp với bối cảnh của Việt Nam và có khả năng đáp ứng được các nhu cầu thực tế và các áp lực trong ngành quy hoạch vùng và đô thị;
- Đáp ứng được các yêu cầu trong chính sách giáo dục về phương pháp giảng dạy lấy học viên là trung tâm và việc sử dụng nguồn lực một cách hiệu quả;
- Tập trung phát triển các năng lực như là một phương thức hiệu quả để đào tạo ra các nhà quy hoạch đô thị có năng lực trong tương lai.

+ Mục tiêu cụ thể của chương trình là phát triển các **năng lực nâng cao** cho nhà Quy hoạch đô thị trong tương lai bao gồm:

- **Khả năng phân tích:** để đánh giá ảnh hưởng và tác động qua lại của các yếu tố/ lĩnh vực phát triển đô thị, phân tích lựa chọn các vấn đề về giải pháp quy hoạch cho tương lai.
- **Khả năng phương pháp luận:** Nắm vững phương pháp luận của quy hoạch, nắm vững các phương pháp và tiến trình quy hoạch khác nhau trong bối cảnh hệ thống quy hoạch Việt Nam, vận dụng và áp dụng các phương pháp nghiên cứu chuyên ngành khác nhau trong quá trình quy hoạch.
- **Khả năng nhìn xa trông rộng** nhằm xác định tầm nhìn trong tương lai và xây dựng các chiến lược phát triển đô thị trong từng giai đoạn
- **Khả năng sáng tạo** nhằm tìm ra các giải pháp giải quyết các vấn đề trong quá trình phát triển đô thị, xây dựng và tổ chức không gian, kiến tạo nơi chốn sống trong đô thị.

- **Khả năng về xã hội:** nắm vững và sử dụng các phương pháp nghiên cứu xã hội và vận dụng trong quy hoạch đô thị
- **Khả năng về kinh tế:** xác định được vấn đề then chốt của phát triển đô thị, nắm vững và cân đối lợi ích của các bên liên quan trong quá trình quy hoạch.
- **Khả năng về môi trường:** nắm vững các phương pháp đánh giá môi trường, và các tác động đến môi trường của quá trình quy hoạch nhằm đề xuất giải pháp tối ưu cho phát triển đô thị.
- **Khả năng về thủ tục thể chế:** nắm vững và vận dụng các yếu tố pháp lý trong quá trình quy hoạch, xây dựng và đề xuất chính sách trong quy hoạch. Đặc biệt cần gắn với pháp lý Quy hoạch xây dựng hiện hành tại Việt Nam.
- **Khả năng giao tiếp và tham vấn cộng đồng:** tham vấn và đưa quy hoạch vào thực tiễn

## 2 THỜI GIAN ĐÀO TẠO VÀ KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA

+ Thời gian đào tạo: Từ 18 – 24 tháng.

+ Khối lượng Kiến thức: Tối thiểu 45 Tín chỉ

## 3 ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH

- Người có bằng tốt nghiệp đại học đúng ngành (Quy hoạch Vùng và Đô thị) hoặc phù hợp (Kiến trúc) được đăng ký dự thi theo quy định của Quy chế đào tạo Trình độ thạc sĩ.

## 4 QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

### 4.1 Khái quát về chương trình đào tạo

- a) Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ có thời lượng 45 tín chỉ.
- b) Một tín chỉ được quy định bằng 15 tiết học lý thuyết hoặc 30 - 45 tiết thực hành, thí nghiệm hoặc thảo luận hoặc 45 - 90 giờ thực tập tại cơ sở hoặc 45 - 60 giờ viết tiểu luận, bài tập lớn hoặc luận văn tốt nghiệp.
- c) Đối với những học phần lý thuyết hoặc thực hành, thí nghiệm, để tiếp thu được một tín chỉ học viên phải dành ít nhất 30 giờ chuẩn bị cá nhân.
- d) Một tiết học được tính bằng 50 phút.

### 4.2 Hình thức tổ chức dạy và học

- a) Hình thức tổ chức dạy - học phù hợp với phương thức đào tạo sau đại học theo tín chỉ là cách thức tổ chức thực hiện các hoạt động giảng dạy của giảng viên và học tập của học viên ứng với từng loại hình học phần hay bài học cụ thể, trong đó chú trọng đặc biệt khâu tự học, tự nghiên cứu, tự thực hành nhằm tích lũy đủ khối lượng kiến thức và kỹ năng theo yêu cầu của một chương trình đào tạo thạc sĩ.
- b) Có ba hình thức tổ chức hoạt động dạy - học trong đào tạo sau đại học:
  - Lên lớp: giảng viên giảng bài, hướng dẫn học viên thảo luận, làm bài tập và thực hiện các hoạt động khác.
  - Thực hành: giảng viên hướng dẫn học viên đi nghiên cứu, khảo sát, thực hiện đồ án chuyên ngành...

- Tự học: học viên học tập theo hình thức cá nhân hoặc cặp/nhóm ở nhà, trong phòng học thất, trong thư viện v.v. để chuẩn bị nội dung lên lớp, củng cố kiến thức đã học, khám phá kiến thức mới, thực hiện những nhiệm vụ học tập khác được giảng viên giao.

- c) Tổ chức hoạt động dạy - học trong đào tạo thạc sĩ cần tăng cường phương pháp dạy học theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của người học; đẩy mạnh thảo luận, tăng cường học tập ngoại khoá, học tập theo chuyên đề, học tập tại hiện trường, công trường.

### **4.3 Tổ chức giảng dạy các học phần**

- a) Học phần là khối lượng kiến thức tương đối trọn vẹn, thuận tiện cho học viên tích lũy trong quá trình học tập, nội dung học phần được phân bố giảng dạy đều trong một học kỳ. Thời lượng tối thiểu của học phần là 2 tín chỉ và tối đa là 4 tín chỉ.
- b) Nội dung học phần bao gồm 2 phần chính: giảng dạy lý thuyết và thực hành (bài tập, thí nghiệm, thực hành, tiểu luận), trong đó phần thực hành phải đảm bảo tối thiểu là 30 % thời lượng học phần.
- c) Học phần bắt buộc gồm những nội dung kiến thức chính yếu của mỗi chương trình mà học viên bắt buộc phải tích lũy.
- d) Học phần lựa chọn gồm những nội dung nhằm đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp khác nhau của học viên trong một chuyên ngành, học viên được lựa chọn theo hướng dẫn của đơn vị đào tạo hoặc lựa chọn tùy ý để tích lũy đủ số tín chỉ quy định của chương trình liên quan.
- e) Để thực hiện kế hoạch đào tạo, mỗi học phần phải có đề cương chi tiết được bộ môn thông qua và được cố định cho mỗi khóa đào tạo. Đề cương chi tiết phải thể hiện đầy đủ nội dung (theo mẫu tại Phụ lục 1): tên, mã số học phần; loại học phần (bắt buộc, lựa chọn); số tín chỉ; loại giờ tín chỉ, giảng viên; chuẩn kiến thức và kỹ năng đầu ra của học phần; mục tiêu học phần, tóm tắt nội dung học phần; học phần tiên quyết, song hành; nội dung chi tiết học phần; yêu cầu về bài tập, thảo luận và viết tiểu luận nghiên cứu; tài liệu tham khảo (tối thiểu giới thiệu 05 đầu sách); phương thức đánh giá và trọng số của từng lần kiểm tra, thi kết thúc học phần; điều kiện được dự thi kết thúc học phần. Giảng viên học phần có trách nhiệm phổ biến cho học viên đề cương chi tiết, lịch trình giảng dạy vào giờ lên lớp đầu tiên của học phần.
- f) Nội dung học phần được điều chỉnh, bổ sung, cập nhật, hiện đại hóa phù hợp với trình độ phát triển khoa học, công nghệ và yêu cầu của thực tiễn. Việc điều chỉnh, bổ sung những nội dung cơ bản của học phần phải được Hội đồng khoa học và đào tạo của đơn vị đào tạo thông qua và lập thành hồ sơ lưu tại đơn vị đào tạo.

### **4.4 Đánh giá học phần**

- a) Đánh giá học phần được dựa trên các điểm thành phần (bài tập, tiểu luận, thi kết thúc học phần) và điểm tổng kết theo quy định của giảng viên trong từng học phần;
- b) Các điểm đánh giá học phần được chấm theo thang điểm 10, lẻ đến 0.5 điểm. Điểm học phần là tổng các điểm đánh giá học phần đã nhân với trọng số của từng điểm đánh giá được quy định trong đề cương chi tiết học phần, lấy đến hai chữ số thập phân và không làm tròn. Việc chấm kiểm tra, bài tập, chấm thi kết thúc học phần do GV phụ trách học phần đảm nhiệm.

## 5 THANG ĐIỂM

Thang điểm 10 có thể quy đổi sang thang điểm 4 (điểm số và điểm chữ) theo quy chế đào tạo theo học chế tín chỉ.

	Thang điểm 10	Thang điểm 4	
		Chữ	Số
Đạt*	từ 9,5 đến 10	A+	4,5
	từ 8,5 đến 9,4	A	4,0
	từ 8,0 đến 8,4	B+	3,5
	từ 7,0 đến 7,9	B	3,0
	từ 6,5 đến 6,9	C+	2,5
	từ 5,5 đến 6,4	C	2,0
	từ 5,0 đến 5,4	D+	1,5
	từ 4,0 đến 4,9	D	1,0
Không đạt	dưới 4,0	F	0

## 6 KHUNG CẤU TRÚC CHƯƠNG TRÌNH

### 6.1 Cấu trúc chương trình đào tạo

KHỐI KIẾN THỨC		Số TC	Tỷ lệ
KHỐI KIẾN THỨC CHUNG	Triết học	2	11,11%
	Tiếng Anh	3	
KHỐI KIẾN THỨC CƠ SỞ VÀ CHUYÊN NGÀNH	Bắt buộc	17	37,78 %
	Lựa chọn	14	31,11%
Luận văn tốt nghiệp		9	20%
Tổng số			100%

### 6.2 Nội dung chương trình đào tạo

Mã số	TÊN HỌC PHẦN	Số Tín chỉ	TC Lý thuyết	TC thực hành
	<b>CÁC HỌC PHẦN CHUNG</b>	<b>5</b>	<b>4</b>	<b>1</b>
KQD01	Triết học	2	2	0
KQD02	Ngoại ngữ	3	2	1
	<b>CÁC HỌC PHẦN BẮT BUỘC</b>	<b>17</b>	<b>10</b>	<b>7</b>
KQD03	Phương pháp NCKH	2	2	0
QD01	Lý luận phát triển không gian ĐT	3	2	1

QD02	Lý thuyết Quy hoạch	3	2	1
QD03	Chính sách và công cụ quản lý đô thị	3	2	1
Q01	Kinh tế và tài chính đô thị	3	2	1
Q02	Đồ án Quy hoạch	3	0	3
	<b>CÁC HỌC PHẦN TỰ CHỌN</b>	<b>12</b>		
	<i>Q1- Tự chọn Kiến trúc</i>			
KQD04	Bảo tồn di sản kiến trúc	2	2	0
KQ01	Lý thuyết tổ hợp không gian KTHĐ	2	1	1
KQ02	Tư duy lý luận kiến trúc kiến trúc đương đại	2	1	1
	<i>Q2. Tự chọn liên ngành</i>			
KQD05	Thiết kế đô thị	3	2	1
KQD06	Kiến trúc cảnh quan	3	2	1
	<i>Q3 – Tự chọn đồ án hình thái đô thị</i>			
KQ04	Đồ án: Hình thái không gian công cộng	3	2	1
KQ05	Đồ án: Hình thái nhà ở + công trình	3	2	1
	<i>Q4 – Tự chọn Quản lý</i>			
QD04	Quản lý hạ tầng kỹ thuật đô thị	3	2	1
QD05	Quản lý đất đai và bất động sản	2	1	1
QD06	Quản lý vận tải HKCC đô thị	2	1	1
QD07	Quản lý quy hoạch, kiến trúc & xây dựng đô thị	3	2	1
	<i>Q5 – Tự chọn PP nghiên cứu Bối cảnh</i>			
KQ03	Các PP nghiên cứu Xã hội học đô thị	2	1	1
Q03	Đánh giá môi trường ĐT	2	1	1
	<b>TỐT NGHIỆP</b>	<b>11</b>		<b>11</b>
Q04	<i>Tham quan + PP luận thực hiện LV</i>	2	0	2
KQD	<i>Luận văn tốt nghiệp</i>	9	0	9

## 7 MÔ TẢ VẮN TẮT NỘI DUNG CÁC HỌC PHẦN

### 7.1 Các học phần chung

#### 7.1.1 KQD01 - Triết học

\* Số tín chỉ: 02



Theo Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, học phần Triết học nhằm nâng cao tính khoa học và tính hiện đại của lý luận triết học, gắn lý luận với những vấn đề của thời đại và của đất nước, đặc biệt là nâng cao năng lực vận dụng lý luận vào thực tiễn, vào lĩnh vực khoa học chuyên môn của học viên.

### **7.1.2 KQD02 - Ngoại ngữ (Tiếng Anh)**

\* Số tín chỉ: 03

Học phần giúp học viên có thể đạt được trình độ B1 (mức 3/6) theo khung châu Âu. Cụ thể, sau khi học xong học phần, học viên có thể:

- Hiểu được các ý chính của một diễn ngôn tiêu chuẩn rõ ràng về các vấn đề quen thuộc trong công việc, trường học, giải trí, v.v.
- Xử lý hầu hết các tình huống có thể xảy ra khi đi đến nơi sử dụng ngôn ngữ
- Viết đơn giản nhưng liên kết về các chủ đề quen thuộc hoặc cá nhân quan tâm
- Mô tả được những kinh nghiệm, sự kiện, giấc mơ, hy vọng và hoài bão và có thể trình bày ngắn gọn các lý do, giải thích cho ý kiến và kế hoạch của mình

Học phần cung cấp cho học viên kiến thức ngữ pháp và từ vựng (liên quan đến các vấn đề văn hóa, xã hội) ở trình độ trung cấp. Đồng thời, học phần giúp học viên luyện tập và trau dồi bốn kỹ năng: nghe, nói, đọc và viết. Nguồn tư liệu được sử dụng trong quá trình học được lấy từ sách, báo và tạp chí, từ biển quảng cáo, bảng báo hiệu thường gặp trong đời sống hằng ngày.

## **7.2 Các học phần bắt buộc**

### **7.2.1 KQD03 - Phương pháp nghiên cứu khoa học**

\* Số tín chỉ: 02

Học phần giới thiệu các nội dung cơ bản sau:

- Giới thiệu cách thức tiếp cận những vấn đề Khoa học; qua đó người học có thể lựa chọn những hướng & đề tài Nghiên cứu Khoa học phù hợp với nhu cầu & sở trường cá nhân;
- Giới thiệu những phương pháp chung và phương pháp đặc thù sử dụng trong Nghiên cứu Khoa học;
- Giới thiệu về phương pháp luận của một đề tài Nghiên cứu Khoa học;
- Giới thiệu qui trình thực hiện một công trình Nghiên cứu Khoa học, cách thức tổ chức công tác Nghiên cứu Khoa học từ thu thập, xử lý thông tin đến trình bày & bảo vệ kết quả nghiên cứu.

### **7.2.2 QD01 - Lý luận phát triển không gian đô thị**

\* Số tín chỉ: 03

Học phần sẽ cung cấp kiến thức và lý luận về đô thị và sự phát triển không gian đô thị, những quy luật về mối quan hệ giữa thành phần đô thị và các giải pháp tổ chức không gian đô thị. Thêm vào đó, học phần này còn giới thiệu các vấn đề của bối cảnh đô thị tác động vào quá trình hình thành các lý luận về phát triển đô thị, những ứng xử trong giải pháp quy hoạch và phát triển không gian đô thị. Học phần sẽ phát triển kỹ năng học viên trong việc phân tích

các vấn đề đô thị và không gian đô thị, nâng cao các năng lực cần thiết trong công tác quy hoạch và quản lý đô thị

### **7.2.3 QD02 - Lý thuyết quy hoạch**

\* Số tín chỉ: 03

Học phần này giới thiệu cho học viên bản chất của các lý thuyết quy hoạch: “Lý thuyết trong quy hoạch”; “Lý thuyết cho quy hoạch” và “Lý thuyết của quy hoạch”. Lý Thuyết quy hoạch trình bày phương pháp luận của quy hoạch và qua đó giới thiệu về quy hoạch đô thị như một quá trình. Học phần còn giới thiệu, phân tích và so sánh hệ thống quy hoạch trên thế giới theo các bối cảnh đô thị khác nhau.

### **7.2.4 QD03 - Chính sách và công cụ quản lý đô thị**

\* Số tín chỉ: 03

Học phần này sẽ giới thiệu tổng quan các lý luận và thực tiễn của quản lý đô thị, qua đó trình bày các chính sách và công cụ quản lý đô thị từ cấp độ vĩ mô đến vi mô. Học phần này cũng cung cấp các kiến thức tổng quát, phương pháp phân tích và giải pháp quản lý đô thị như: nội dung và lý luận của quản lý đô thị, yếu tố pháp luật, vai trò của nhà nước, vai trò và sự tham gia của các bên liên quan trong quá trình quản lý đô thị, mối tương quan giữa quy hoạch và quản lý trong quá trình phát triển đô thị, hệ thống chính sách dài hạn và các công cụ biện pháp ngắn hạn.

### **7.2.5 Q01 - Kinh tế và tài chính đô thị**

\* Số tín chỉ: 03

Học phần này sẽ giới thiệu các khái niệm thực tiễn của kinh tế đô thị, phân tích các yếu tố cơ bản của kinh tế đô thị như: thị trường đất đai, lao động và vốn; thị trường và quản lý thị trường; thương mại và dịch vụ đô thị; và sự giải thích quá trình tăng trưởng và suy thoái kinh tế. Thêm vào đó, học phần sẽ cung cấp một vài công cụ phân tích kinh tế thường được sử dụng trong quy hoạch đô thị, như nghiên cứu phân tích các thành phần kinh tế, chính sách kinh tế - tài chính đô thị, phân tích lợi ích - chi phí trong phát triển đô thị. Các yếu tố đầu tư và nguồn lực tài chính của đô thị cũng được phân tích nhằm làm sáng tỏ các tác động của thị trường đến quá trình phát triển đô thị, đặc biệt là phát triển không gian đô thị.

### **7.2.6 Q02 - Đồ án Quy hoạch**

\* Số tín chỉ: 03

Đồ án quy hoạch theo bối cảnh phát triển sự hiểu biết và vận dụng các lý luận khoa học của quy hoạch trong quy trình lập quy hoạch theo quy định hiện hành ở Việt Nam mà chủ yếu là chú trọng vào quy hoạch phát triển không gian đô thị. Bối cảnh của Việt Nam trong giai đoạn chuyển đổi tạo những yếu tố phức tạp cho quá trình lập quy hoạch (phát triển nhanh chóng trên nhiều lĩnh vực kinh tế, xã hội và môi trường, tốc độ đô thị hóa nhanh chóng, và sự tăng của dân số đô thị trong khi năng lực cơ sở hạ tầng phát triển không kịp đáp ứng). Học phần còn phân tích khía cạnh thực thi quy hoạch trong quá trình phát triển đô thị qua đó, các học viên ngành quy hoạch vùng và đô thị có thể tích hợp được các yếu tố học thuật hàn lâm và khuôn khổ pháp lý tại Việt Nam để tiến hành thực hiện đồ án quy hoạch.

### **7.3 Các học phần tự chọn**

#### **7.3.1 KQD04 - Bảo tồn di sản Kiến trúc**

\* Số tín chỉ: 02

Học phần giới thiệu các khái niệm & PP cơ bản của khoa học bảo tồn & trùng tu di tích KT như: nguyên nhân hủy hoại & biến đổi các di tích, các quan điểm & yêu cầu về bảo tồn & trùng tu di tích, đặc điểm & PP trùng tu, khảo sát, nghiên cứu đối tượng trùng tu, thiết kế trùng tu, kinh nghiệm nước ngoài & định hướng bảo tồn cải tạo, nâng cấp các khu phố cổ, cũ ở VN.

#### **7.3.2 KQD05 - Thiết kế đô thị**

\* Số tín chỉ: 03

Học phần này giúp học viên tiếp cận các vấn đề cơ bản và các lý luận nâng cao của thiết kế đô thị bằng việc phát triển các nguyên tắc, phương pháp và cách thức thực hành cần thiết có được các thiết kế đô thị chất lượng. Học phần chú trọng vào việc xây dựng các nguyên tắc và giải pháp được thể chế hóa trong xây dựng, kiến trúc, quy hoạch đô thị, chú trọng vào việc xây dựng không gian đô thị đa dạng và bền vững, tạo ra các môi trường đô thị chất lượng cao và dễ tiếp cận.

#### **7.3.3 KQD06 - Kiến trúc cảnh quan**

\* Số tín chỉ: 03

Học phần sẽ giới thiệu các khái niệm chính, các lý luận, phương pháp và thực hành về kiến trúc cảnh quan. Với cấp độ không gian đô thị, học phần tập trung vào cách thức để phát triển cảnh quan đô thị hiện nay. Ngoài ra, học phần còn xây dựng các cách thức nghiên cứu, chỉ ra quá trình hình thành các không gian cảnh quan đô thị, và giới thiệu các kinh nghiệm của các khu vực khác nhau trong việc tổ chức không gian cảnh quan. Qua đó, học phần sẽ nhấn mạnh nội dung và phương pháp thực hiện việc thiết kế cảnh quan các khu vực dân dụng và các khu vực mở (không gian trống) trong đô thị.

#### **7.3.4 KQ01 - Lý thuyết tổ hợp không gian kiến trúc hiện đại**

\* Số tín chỉ: 02

Học phần cung cấp các nội dung cơ bản:

- Các khái niệm và nội dung liên quan tới Tổ hợp, Không gian và Công năng kiến trúc
- Các phương pháp tổ hợp không gian kiến trúc cơ bản
- Tổ hợp Kiến trúc cao tầng
- Các thủ pháp tổ hợp không gian kiến trúc hiện đại
- Các bài tập tổ hợp không gian kiến trúc hiện đại

#### **7.3.5 KQ02 - Tổ chức môi trường dịch vụ công cộng đô thị**

\* Số tín chỉ: 02

Học phần giới thiệu các nội dung:

- Khái quát sự hình thành và biến đổi của hệ thống dịch vụ công cộng trong sự phát triển của đô thị.
- Mối quan hệ đa chiều của hệ thống dịch vụ công cộng.
- Xu hướng phát triển của công trình công cộng và hệ thống dịch vụ công cộng.
- Những giải pháp nâng cao chất lượng công trình và hệ thống dịch vụ công cộng.

### **7.3.6 KQ03 - Các Phương pháp Nghiên cứu xã hội**

\* Số tín chỉ: 02

Học phần sẽ giới thiệu các khái niệm, các lý luận, phương pháp và cách thức để thực hiện các nghiên cứu về mặt xã hội học đô thị, qua đó học phần sẽ cung cấp kiến thức cho học viên về mối tương tác và những tác động đối với yếu tố xã hội của các giải pháp quy hoạch và quản lý đô thị. Từ đó có thể khẳng định vai trò to lớn của các yếu tố xã hội đối với quá trình phát triển đô thị. Học phần còn nâng cao về mặt phương pháp luận khi xây dựng các phương pháp nghiên cứu đô thị dưới góc độ của nghiên cứu xã hội học và việc đánh giá tác động xã hội.

### **7.3.7 KQ04 - Đồ án: Hình thái Không gian công cộng**

\* Số tín chỉ: 03

Trong Đồ án này, học viên được làm việc theo nhóm và tập trung nghiên cứu hình thái không gian đô thị dựa trên một trường hợp thực tiễn tại Tp.HCM. Đồ án đưa ra với từng giai đoạn nghiên cứu và các nhóm được yêu cầu từ mô tả bản sắc và đặc trưng địa phương đến phát triển các giá trị của khu vực, qua đó nghiên cứu hình thái tổ chức các không gian công cộng, vận dụng các kiến thức về cảnh quan, các đánh giá về mặt cộng đồng, các hoạt động của cư dân để tìm kiếm các giải pháp quy hoạch và tổ chức không gian. Học phần còn phát triển các tư duy và lý luận trong việc phát triển những không gian công cộng, góp phần kiến tạo những nơi chốn có giá trị trong đô thị.

### **7.3.8 KQ05 - Đồ án: Hình thái Không gian nhà ở và công trình**

\* Số tín chỉ: 03

Học phần phát triển những kiến thức nâng cao về tương tác giữa công trình kiến trúc với không gian đô thị. Thông qua cách làm việc theo nhóm để phát triển sự hiểu biết một cách toàn diện và sâu sắc về một các khu dân cư với hình thái nhà đa dạng hiện nay tại Tp.HCM. Phát triển những nội dung của học phần nguyên lý thiết kế và nhà ở, học phần xem xét các vấn đề hình thái từ khía cạnh hình thức, không gian công trình đến công năng sử dụng và các giá trị của không gian kiến trúc: văn hóa, xã hội, thẩm mỹ, con người... Bên cạnh việc thực hành phương pháp phân tích hình thái, đồ án còn phản ánh những lý luận kiến trúc kết hợp với không gian đô thị, tương tác về mặt quy mô, tổ chức không gian, yếu tố cảnh quan, tỷ lệ, đường nét hình khối. Các nhóm được yêu cầu làm việc cùng nhau để phát triển thiết kế và đề xuất phù hợp. Trong suốt đồ án, học viên sẽ tạo ra những ý tưởng để nâng cao lợi ích cộng đồng trong khi cải thiện tiêu chuẩn sống của người dân nói chung. Các kỹ năng ký họa, đồ họa và kỹ năng phân tích được cung cấp trong quá trình học tập

### **7.3.9 QD04 - Quản lý hạ tầng kỹ thuật đô thị**

\* Số tín chỉ: 03

Học phần này cung cấp cho học viên tổng quan về lý thuyết, tiến trình và kỹ năng cần thiết cho việc quản lý hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị. Qua đó nhấn mạnh vai trò và sự tương tác giữa hệ thống hạ tầng kỹ thuật và sự phát triển của đô thị; tính kết nối, tính hệ thống và mối liên hệ giữa các loại hạ tầng kỹ thuật khác nhau. Bên cạnh đó, học phần sẽ tập trung vào xem xét các phương pháp và biện pháp thực tiễn cho quá trình quản lý hệ thống hạ tầng kỹ thuật, trong bối cảnh các đô thị Việt Nam cùng với hệ thống pháp lý quy hoạch đô thị nhằm đảm bảo sự kết nối toàn diện và sự phát triển bền vững của đô thị.

### **7.3.10 QD05 - Quản lý đất đai và bất động sản**

\* Số tín chỉ: 02

Học phần sẽ cung cấp kiến thức về lý thuyết và thực tiễn về quản lý đất đai và bất động sản đô thị, qua đó tập trung phân tích và đánh giá các tác động của đất đai và thị trường bất động sản đến quá trình hình thành và các giai đoạn phát triển của đô thị. Thông qua việc phân tích thực trạng các vấn đề trong quản lý đất đai và thị trường bất động sản tại Việt Nam, học phần nâng cao năng lực phân tích và giải quyết các vấn đề về quản lý đô thị, các chính sách và pháp lý liên quan trong lĩnh vực đất và bất động sản, từ đó học viên có thể xây dựng các giải pháp cho những trường hợp cụ thể tại Việt Nam.

### **7.3.11 QD06 - Quản lý vận tải hành khách đô thị**

\* Số tín chỉ: 02

Trong học phần này, học viên được làm việc theo nhóm và tập trung nghiên cứu những vấn đề giao thông công cộng đô thị dựa trên thực tiễn tại Tp.HCM hoặc một đô thị khác mà giảng viên đề xuất. Học phần kết hợp giữa học lý thuyết và nghiên cứu thực tiễn với từng giai đoạn nghiên cứu. Các nhóm được yêu cầu nghiên cứu từ nhu cầu đi lại trong đô thị, các loại phương tiện GTCC trong đô thị với các nguyên tắc bố trí, hiệu quả phát triển GTCC trong đô thị, thực trạng và đề xuất phương hướng phát triển theo xu thế hiện đại hoá ... đến ý tưởng về tổ chức và quản lý GTCC đô thị.

### **7.3.12 QD07 - Quản lý Quy hoạch, Kiến trúc và Xây dựng đô thị**

\* Số tín chỉ: 03

Học phần sẽ cung cấp các nội dung, phương pháp nghiên cứu và thực hành về quản lý và phát triển Xây dựng đô thị, tập trung vào các nội dung quản lý Quy hoạch, Kiến trúc, công tác xây dựng cơ bản các khu vực riêng biệt hoặc toàn đô thị. Các quy định pháp lý trong lĩnh vực kiến trúc quy hoạch và xây dựng sẽ được trình bày cùng với việc phân tích hệ thống pháp lý của Việt Nam trong lĩnh vực xây dựng sẽ giúp học viên nâng cao kiến thức và kỹ năng thực hành trong lĩnh vực quản lý đô thị hiện nay tại các đô thị.

### **7.3.13 Q03 - Đánh giá môi trường đô thị**

\* Số tín chỉ: 02

Học phần sẽ giới thiệu các khái niệm, các lý luận, phương pháp và cách thức để thực hiện các đánh giá môi trường đô thị, qua đó học phần sẽ cung cấp kiến thức cho học viên về mối tương tác và những tác động của môi trường đô thị đối với các giải pháp quy hoạch và quản lý đô thị. Từ đó có thể khẳng định vai trò to lớn của các yếu tố môi trường đối với quá

trình phát triển đô thị. Học phần còn nâng cao về mặt phương pháp luận khi xây dựng các phương pháp nghiên cứu đô thị dưới góc độ của việc đánh giá môi trường, phương pháp xây dựng các chính sách môi trường đô thị.

## **7.4 Học phần chuẩn bị tốt nghiệp và tốt nghiệp**

### **7.4.1 Q04 - Tham quan và Phương pháp luận thực hiện luận văn**

\* Số tín chỉ: 02

- Học phần gồm 2 phần:

**+ Phần 1. Phương pháp luận và đề tài luận văn**, nội dung cơ bản: (i) Các học viên thông qua phần trao đổi thảo luận với nhóm giảng viên chuyên ngành và các chuyên gia khách mời để hình thành các ý tưởng và nội dung cơ bản của đề tài luận văn, (ii) qua đó xây dựng đề tài cương chi tiết của luận văn tốt nghiệp.

- Trong quá trình tham quan học viên sử dụng các phương pháp quan sát trực quan, thu thập số liệu phân tích để từ đó chuẩn bị phần trình bày về các vấn đề liên quan đến đề tài nghiên cứu dự kiến
- Căn cứ những nội dung thảo luận theo nhóm và trình bày tại seminar, học viên sẽ xác định tên đề tài nghiên cứu, đối tượng, mục tiêu và các nội dung nghiên cứu. Học viên chuẩn bị các nội dung, tài liệu liên quan và xây dựng đề xuất nghiên cứu của luận văn.
- Học phần sẽ được kết thúc bằng việc đánh giá đề cương của nhóm giảng viên. Đề cương luận văn được góp ý và phê duyệt sẽ là cơ sở thực hiện luận văn trong kỳ tiếp theo.

**+ Phần 2. Tham quan thu thập số liệu**

- Nội dung cơ bản: (i) một chuyến tham quan thực tế tại 01 đô thị cụ thể: có thể là nước ngoài (tùy thuộc vào yêu cầu thực tiễn của luận văn tốt nghiệp và khả năng của nhóm học viên: tối thiểu 12 HV) tại 01 trong những trường đại học có liên kết với nhà trường và (ii) Thu thập các tài liệu, số liệu phục vụ cho luận văn tốt nghiệp, chuẩn bị và thực hành một số phương pháp cần thiết cho luận văn tốt nghiệp.
- Trong quá trình tham quan học viên sử dụng các phương pháp quan sát trực quan, thu thập số liệu phân tích để từ đó chuẩn bị phần trình bày về đô thị như là một case study về chủ đề của từng đô thị cụ thể.
- Học viên cũng được tham gia vào một số báo cáo thuyết trình của các chuyên gia tại địa phương, cùng tham gia hội thảo và phân tích vấn đề. Sau khi trở về học viên phải chuẩn bị bài báo cáo, thuyết trình về đô thị được tham quan.

### **7.4.2 KQD - Luận văn tốt nghiệp**

\* Số tín chỉ: 09

- Thực hiện nội dung và quy cách của luận văn theo yêu cầu của quy chế đào tạo.